TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 388/2024/HSPT
Ngày: 13/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trọng Đoàn;
Ông Nguyễn Nam Thành.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hà Lê Giang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Hằng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 320/2024/TLPT-HS ngày 07 tháng 3 năm 2024 đối với các bị cáo Đoàn Quang T, Nguyễn Đức Đ. Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức Đ và kháng cáo của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 95/2024/HSST ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- *Bị cáo không kháng cáo, bị kháng cáo*: Họ và tên: Đoàn Quang T, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn C, xã M, huyện V, tỉnh Hưng Yên; trình độ học vấn: 04/12; nghề nghiệp: TGĐ Công ty Cổ phần T9; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Đoàn Văn T1 và con bà Nguyễn Thị M; vợ là Vũ Thị T2, sinh năm 1983; con: Có 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/7/2021 đến nay; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Quang T: Luật sư Nguyễn Đức T3 – Chi nhánh Công ty L, Đoàn luật sư thành phố H; có mặt.

- *Bị cáo có kháng cáo:* Họ và tên: Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn H, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn N và con bà Nguyễn Thị V; vợ là Nguyễn Thị T4, sinh năm 1985; con: Có 04 con: lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/5/2023 đến nay; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức Đ: Luật sư Đặng Thị Vân T5 – Văn phòng L1, Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt.

- *Người bị hại có kháng cáo:* Anh Bùi Văn K, sinh năm 1977; địa chỉ: Khu G, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt.

- *Người bị hại không kháng cáo:* Anh Nguyễn Văn U, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn T, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; không triệu tập tham gia phiên toà.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị T4 (vợ bị cáo Đ); địa chỉ: Thôn H, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hưng Yên; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/9/2020, Anh Bùi Văn K và anh Nguyễn Văn U có đơn tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Đoàn Quang T thông qua việc ký hợp đồng mua thanh lý 61 xe ô tô cũ của Trung tâm Đ3 – Bộ Q; quá trình điều tra đã xác định được như sau:

1. Hành vi chiếm đoạt số tiền 770.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn U:

Tháng 8/2019, Đoàn Quang T gặp, quen biết Nguyễn Đức Đ và anh Phạm Hồng C, sinh năm 1975, trú tại phòng 2002, tòa N03 T4, khu N,quận B, Hà Nội. Do có mối quan hệ từ trước với anh Nguyễn Văn U nên cuối năm 2019 T giới thiệu với anh U là Công ty T9 của T có khả năng mua thanh lý 61 xe ô tô của trường Đ3 - Bộ Q vì T có quan hệ quen biết với anh Nguyễn Đức Đ làm ở Ban Q, chuyên làm thủ tục thanh lý quân nhu, tài sản của Bộ Q. T giới thiệu với anh U mua lô xe trên với giá là hơn 03 tỷ đồng, đặt cọc 500.000.000 đồng và trong 01 tháng kể từ ngày đặt cọc sẽ nhận được xe. Đến đầu tháng 01/2020, để anh U tin tưởng, T giới thiệu cho anh U gặp Đ và anh C. Khi gặp, Đ cũng giới thiệu Đ và anh C được phụ trách việc thanh lý quân nhu, hiện có 61 xe ô tô cũ của Trường Đ3, giá bán là 70.000.000 đồng/xe ô tô (trong đó: nộp trực tiếp về Bộ Q số tiền 60.000.000 đồng/xe, tương đương số tiền 3.660.000 đồng; nộp riêng cho Đ và anh C 10.000.000 đồng/xe, tương đương số tiền 610.000.000 đồng, đặt cọc số tiền 500.000.000 đồng. Do tin tưởng T và Đ nên khoảng giữa tháng 01/2020, tại quán C3 phố P, phường C, quận B, Hà Nội, anh U đưa 500.000.000 đồng cho T để T đưa lại luôn cho Đ cầm rồi cả 03 lên trụ sở Bộ Q (số E đường N, phường Đ, quận B, Hà Nội). Đến nơi, anh U đợi ở ngoài còn Đ cầm theo túi đựng tiền dẫn T đi vào trụ sở Bộ Q, khoảng 30 phút sau cả 02 đi ra và thông báo lại với anh U là đã đặt cọc tiền mua xe. Sau đó, T tiếp tục yêu cầu anh Uyển chuyển tiền đợt 02 nên ngày 21/01/2020 anh U nhờ vợ là chị Trần Thị Ú gặp và đưa trực tiếp cho T số tiền 250.000.000 đồng (không viết giấy tờ). Ngày 14/02/2020, anh U tiếp tục chuyển khoản từ tài khoản 19035381591017 tại Ngân hàng K1 (T10) đến tài khoản số 46610000034305 mở tại Ngân hàng Đ4 của Nguyễn

Đức Đ1 số tiền 20.000.000 đồng, theo yêu cầu của T là để mua xì gà biếu lãnh đạo. Sau đó anh U đã yêu cầu T viết giấy biên nhận nên T đã viết 02 giấy biên nhận tiền; giấy ghi tháng 01 năm 2020 có nội dung T nhận của anh U 770.000.000 đồng để làmthủ tục cho anh U mua thanh lý 61 xe ô tô tại trung tâm đào tạo lái xe TC12 BộQuốc Phòng, thời điểm giao xe là ngày 30/6/2020. Đến khoảng tháng 4/2020, Đ yêu cầu Thanh chuyển cho Đ số tiền 100.000.000 đồng để Đ cung cấp danh sách 61 xe ô tô thanh lý của trường lái TC12 cho T nên T trao đổi lại với anh U gặp để đưa tiền cho Đ. Anh U hẹn gặp Đ tại quán C3 trong Trung tâm Thương mại L2 để đưa tiền và yêu cầu Đ viết giấy biên nhận tổng số tiền 600.000.000 đồng nhưng Đ không viết nên anh U sử dụng số điện thoại 0987.132.544 liên lạc với T và ghi âm cuộc nói chuyện này với nội dung Đ xác nhận đã cầm số tiền 500.000.000 đồng của anh U để đi cùng T vào Bộ Q.

Đến ngày 30/6/2020, không nhận được xe như cam kết, anh U yêu cầu T trả lại tiền, từ ngày 02/6/2020 đến ngày 04/8/2020 T đã 02 lần chuyển khoản vào tài khoản số 19035381591017 mở tại T10 của anh U số tiền 320.000.000 đồng, còn lại 450.000.000 đồng chưa trả.

Tại bản Kết luận giám định số 3823 ngày 05/8/2022 của V1 - Bộ C4 kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Đoàn Quang T trên 02 giấy biênnhận đặt cọc tiền mua xe tháng 01/2020 là chữ ký, chữ viết của Đoàn Quang T.

Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định âm thanh đoạn ghi âm thu giữ từ điện thoại của Đoàn Quang T có file ghi âm cuộc nói chuyện thể hiện nội dung:

"Đồi: Bây giờ thế này nhé, anh lên ký cho xác nhận vào nữa, vì chỗ này nó khó làm việc, án tại hồ sơ, lúc không được không...được, anh lên đây, là em nhận 500 và em ghi là là nhận của ông U *100 đúng không?*

....

Đồi: Thì hôm đấy là em nói với anh vào thành là xách 500 vào đúng không?

T*: Đúng rồi"*

Tại bản Kết luận giám định số 8769 ngày 14/03/2023 của V1 - Bộ C4, kết luận: Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa trong tập tin âm thanh mẫu cần giám định. Tiếng nói của người đàn ông (được ký hiệu là Đồi trong bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định và tiếng nói của Nguyễn Đức Đ trong mẫu so sánh là của cùng một người.

Xác minh tại Bộ Q: Hiện nay trong Biểu tổ chức, biên chế do Bộ T11 ban hàng cho các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Q không có Ban Thanh Lý tài sản, không có phiên hiệu K15. Nguyễn Đức Đ không thuộc biên chế của Quân đội. Cục H5, T12 - Bộ Q không có chức năng, nhiệm vụ tổ chức bán đấu giá 61 xe ô tô của Trung tâm Đ3-Bộ Q.

Kết quả sao kê tài khoản Ngân hàng phù hợp với nội dung như đã nêu trên.

Tại cơ quan điều tra, Đoàn Quang T khai nhận hành vi như đã nêu trên, T khai khi quen biết với Đ và anh C thì được Đ giới thiệu cả hai làm tại Ban thanh lý tài sản K15, T12 của Bộ Q, Đ giới thiệu có lô xe thanh lý. T thừa nhận bản thân T cũng như Công ty T9 không làm thủ tục và không được mua lô xe thanh lý 61 chiếc xe tại TC12 nhưng vẫn đưa thông tin với anh U, đã nhận số tiền 750.000.000 đồng của anh U sau đó đưa cho Đ toàn bộ số tiền nêu trên gồm: 500.000.000 đồng tại quán C phố P, phường C, quận B, Hà Nội và khoảng đầu tháng 6/2020 có 02 lần đưa số tiền 200.000.000 đồng cho Đ (01 lần tại khu vực Lotte Đ và 01 lần tại khu vực tại cây xăng ngã tư Phố N- Hưng Yên) nhưng đều không viết giấy biên nhận. Sau đó khi U đòi, T đã trả số tiền 320.000.000 đồng, còn lại 450.000.000 chưa trả cho anh U. Số tiền 320.000.000 đồng Thanh dùng để trả anh U là tiền do anh K đưa. Đ chưa trả lại số tiền 570.000.000 đồng cho T.

Tại cơ quan điều tra, lời khai ban đầu Đ không thừa nhận hành vi, sau đó Đ khai nhận về việc có hứa hẹn mua lô xe thanh lý như nội dung đã nêu trên, đã nhậnsố tiền 570.000.000 đồng để mua xe thanh lý, nhưng sau đó giá sàn mua xe ô tô thanhlý cao nên T không đồng ý mua nên đã trả lại số tiền nêu trên cho T, việc trả tiền không viết biên nhận. Đổi chỉ nhận số tiền 570.000.000 đồng, ngoài ra khôngnhận số tiền nào khác từ T.

Ngày 20/5/2023, chị Nguyễn Thị T4 (vợ của Đ) đã nộp số tiền 570.000.000 đồng, anh U yêu cầu T phải hoàn trả cho anh số tiền 450.000.000 đồng còn chiếm đoạt và đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt 4.456.000.000 đồng của anh Bùi Văn K:

Cũng trong thời gian hứa hẹn sẽ mua thanh lý xe cho anh Nguyễn Văn U,thông qua anh Nguyễn Văn B giới thiệu thì T gặp và quen biết anh Bùi Văn K, Giám đốc công ty TNHH C5. T giới thiệu Công ty T9 được T13 - Bộ Q ủy quyền thực hiện các công việc giao dịch, trao đổi, mua bán lô xe ô tô gồm 61 xe của Trung tâm Đ3 (được gọi là Trường Đ3) - Bộ Q. Để anh K tin tưởng, ngày29/05/2023, T cùng Đ đã đưa anh K lên Trường Đ3 để xem thực tế xe. Sau khi xem xe, T và anh K gặp nhau ở quán C6, KĐT Đ, huyện G, Hà Nội, tại đây anh K, anh B được T giới thiệu gặp chị Lê Thị Kim T6, sinh năm 1993; HKTT và chỗ ở thôn N, xã T, P, Thái Nguyên - là kế toán của Công ty T9 để thống nhất việc mua bán 61 xe ô tô trên. Do tin tưởng T, tại đây anh K đã ký Hợp đồng mua bán số 03/METCO-ĐBP-2020 với T (đại diện Công ty T9), nội dung: Công ty C5 mua lại 61 xe ô tô thanh lý trong trường L3 - Bộ Q (thực tế là trường TC12 - Bộ Q) với giá 5.490.000.000 đồng, thời hạn giao xe tối đa là 10 ngày sau khi thanh toán; cùng ngày anh K chuyển số tiền 549.000.000 đồng từ số tài khoản 42510000217453 mở tại Ngân hàng B1 - Chi nhánh V2 đến số tài khoản 106870559673 mở tại Ngân hàng V3 của Lê Thị Kim T6.

Sau đó theo tiến độ nộp tiền trong hợp đồng, T tiếp tục yêu cầu anh K giao tiền, do anh K yêu cầu phải có tài liệu xác định công ty T9 muađược lô xe nêu trên, T đã đưa cho anh K 01 Giấy ủy quyền đề ngày20/01/2020 do ông Phạm Văn M1 (đại diện cho Cục H5) ký, nội dung thểhiện: T được Cục Hậu cần ủy quyền thực hiện các công việc giao dịch, trao đổi mua bán lô xe 61 xe tại T lái TC12. T có trách nhiệm phối hợp với bên khách hàng thực hiện Hợp đồng mua bản số 03 METCO-DBP-2020 đã được ký kếtvào ngày 29/5/2020. Do vậy, ngày 02/6/2020, anh K đã chuyển khoản 915.000.0000 đồng vào tài khoản 233266888 mở tại Ngân hàng Á (A) của Công ty T9. Đến ngày 05/6/2020, T tiếp tục gửi qua zalo cho anh K danhsách 61 xe ô tô cũ thanh lý của TC12 và hình ảnh thể hiện nội dung Phiếu thu tiềncủa Cục H5 đề ngày 23/4/2020, xác nhận Công ty T9 đã nộp sốtiền 800.000.000 đồng, lý do nộp: Xử lý và thanh lý 61 xe của Trung tâm Đ5 - Bộ Q. Do đó, ngày 10/6/2020, anh K chuyển tiền tiếp số tiền 300.000.000 đồng cũng từ tài khoản của anh K vào tài khoản ngân hàng của Lê Thị Kim T6 và đưa tiền mặt trực tiếp cho T số tiền 2.800.000.000 đồng tại Công ty L4; địa chỉ: số C N, N, quận C, Hà Nội. Tổng số tiền anh K chuyển cho T là 4.564.000.000 đồng.

Sau khi nhận tiền của anh K, T sử dụng vào các mục đích như sau: Ngày 29/5/2020 chuyển khoản từ tài khoản số 233266888 mở tại Ngân hàng Á (A) của Công ty T9 đến tài khoản 4660000034305 mở tại B1 của Đối với nội dung "Cong ty Ngu H chuyen tien mua lo truong lai K2 Bo Q". Tháng 6/2020 mua xe ô tô nhãn hiệu Huyndai Elantra, BKSS 30E - 38893 của anh Nguyễn Văn C1, sinh năm 1991, trú tại khu tập thể B, phường X, quận T, Hà Nội với giá 516.000.000 đồng, sau đó T đã bán chiếc ô tô này cho người khác (hiện không xác định được thông tin) để trả cho anh U 320.000.000 đồng và chuyển cho Dương Thu H, sinh năm 1989, số hộ chiếu B7781025; số B L, phường T, TP L, tỉnh Lạng Sơn ở bên Lào số tiền 2.950.000.000 đồng thông qua 02 tài khoản gồm: Chuyển tiền từ số tài khoản 19026237806034 của T6 mở tại Ngân hàng T10 đến số tài khoản 19020324063015 của Nguyễn Thị Thu H1 mở lại Ngân hàng T10 và chuyển từ tài khoản của T số 19030702834012 mở tại Ngân hàng T10 đến số tài khoản 19020504925996 của Đào Thị H2 mở tại Ngân hàng T10 để đầu tư vào dự án bên Lào nhưng T không nhớ cụ thể dự án nào. Số tiền còn lại T sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân.

Khám xét tại trụ sở Công ty T9 thu giữ: 01 Phiếu thu số 005 ngày 23/4/2020 và 01 Giấy ủy quyền ngày 20/01/2020 (đều ký tên ông Phạm Văn M1 và đóng dấu Bộ Q), 01 Biên bản giao nhận tiền giữa Công ty C5 và Công ty T9 đề ngày 10/6/2020.

Tại bản Kết luận giám định số 1551 ngày 23/02/2021 và 6723 ngày 15/9/2021 của của Phòng PC09- C7, kết luận: Hình dấu tròn "CỤC HẬU CẦN - TỔNG CỤC KỸ THUẬT" và chữ ký đứng tên "Phạm Văn M1" dưới mục bên ủy quyền trên giấy ủy quyền với hình dấu tròn "CỤC HẬU CẦN TỔNG CỤC KỸ THUẬT" do Cục

H5 - T12 cung cấp và chữ ký do ông Phạm Văn M1 cung cấp không phải là một con dấu đóng ra. Hình dấu trên giấy ủy quyền được tạo ra bằng phương pháp in màu kỹ thuật số. Chữ ký đứng tên "Phạm Văn M1" dưới mục bên ủy quyền trên giấy ủy quyền ký do ông Phạm Văn M1 cung cấp không phải là cùng một người ký ra.

Tại bản Kết luận giám định số 3823 ngày 05/8/2022 của V1 - Bộ C4, kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Đoàn Quang T trên các Giấy biên nhận tiền ngày 10/6/2020, Hợp đồng mua bán số 03 ngày 29/05/2020, Giấy biên nhận tiền tháng 01/2020 là do Đoàn Quang T viết và ký ra. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký Đoàn Quang T trên các giấy ủy quyền, phiếu thu tiền của Cục H5 - Bộ Q là do Đoàn Quang T ký và viết ra.

Xác minh tại T12 - Bộ Q như sau: Trung tâm Đ3 - Bộ Q1 thuộc quyền chỉ huy, quản lý của Cục H6 cần/Tổng cục K2. Từ trước đến nay, Cục H5 - T12 không có chức năng, nhiệm vụ tổ chức bán đấu giá 61 xe ô tô của Trung tâm Đ3 - Bộ Q. Đồng chí Đại tá Phạm Văn M1 hiện đang công tác tại Cục H5 - T12 - Bộ Q, chức vụ: Phó Cục trưởng không ký bất kỳ giấy tờ nào cho ông Đoàn Quang T - Tổng giám đốc Công ty T9 được quyền thực hiện các công việc giao dịch, trao đổi, mua bán 61 xe ô tô tại Trung tâm Đ3 - Bộ Q. Ông Đoàn Quang T chưa bao giờ đến liên hệ nộp hồ sơ đấu thầu 61 chiếc xe trên và Cục H5 - T12 không thu số tiền 800.000.000 đồng do ông Đoàn Quang T nộp để xử lý và thanh lý 61 xe ô tô.

Xác minh tại Quân đoàn 2 như sau: Trên địa bàn thị trấn V, L, Bắc Giang không có đơn vị nào có phiên hiệu là T7 lái TC12 - Bộ Q mà chỉ có Trường T14 - Bộ Q do Quân đoàn B2 quản lý và đã giải thể theo Quyết định số 351/QĐ-BQP ngày 23/01/2019 của Bộ Q; vì vậy, từ tháng 01/2020 không còn phiên hiệu Trường T14. Ngày 15/9/2020, Hội đồng đấu giá tài sản trang bị kỹ thuật xe ô tô của Quân đoàn 2 có ký Hợp đồng kinh tế bổ sung mua bán 55 xe ô tô của Quân đoàn 2 (thuộc quản lý của T7 trung cấp nghề số 12 trước khi giải thể) với Công ty TNHH P, địa chỉ: Khu C, phường Q, TX S, Hà Nội, do ông Nguyễn Văn Đ2 là Giám đốc. Quân đoàn 2 không bán lô nào có 61 chiếc xe ô tô; từ tháng 01/2020 đến tháng 12/2020, Quân đoàn B2 không bán chiếc xe ô tô nào cho ông Đoàn Quang T, Nguyễn Đức Đ và ông Nguyễn Mạnh C2. Những người này không đến liên hệ tham gia đấu giá để mua xe ô tô của Quân đoàn 2.

Xác minh tại Công ty L4: Ngày 10/6/2020 anh Nguyễn Thành N1 - Giám đốc có chứng kiến việc giao nhận số tiền 2.800.000.000 đồng từ anh Bùi Văn K giao cho Đoàn Quang T, đại diện công ty L4 đã ký, đóng dấu xác nhận vào biên bản giao nhận tiền.

Tiến hành xác minh tại Chi cục thuế quận T, được biết: Ngày 07/10/2020,Công ty T9 chuyển về Bắc Ninh, thuộc quản lý của Chi cục thuế thành phố B. Qua theo dõi trạng thái hoạt động, Công ty T9 không cònhoạt động tại địa chỉ đăng ký. Theo

báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn, kỳ tính thuếquý IV/2020 thấy Công ty T9 có báo cáo sử dụng 01 Hóa đơn giá trịgia tăng số 01GTKT0/001, ký hiệu hóa đơn AA/19E.

Kết quả sao kê tài khoản ngân hàng: Có các giao dịch chuyển khoản phù hợpvới lời khai của các bị hại và người liên quan.

Ngày 06/7/2021, Đoàn Quang T đầu thú và khai nhận như nội dung nêu trên. T thừa nhận thời điểm ký hợp đồng, Công ty T9 không sở hữu lô xe thanh lý nêu trên nhưng T vẫn ký hợp đồng bán xe cho Công ty TNHH C5, việc xuất hóa đơn GTGT của Công ty T9 cho Công ty TNHH C5 để anh K tin tưởng. T có 02 lần đi cùng Đ vào Bộ Q (trong đó có lần đi cùng Đ cầm 500.000.000 đồng để mua lô xe thanh lý, việc Đ đưa tiền cho ai thì T không biết),

Anh Phạm Hồng C khai: Anh C hiện đang công tác tại Tổng công ty Q - T15 - Bộ Q; anh hoàn toàn không biết việc của ông Đ với T và anh Nguyễn Văn U, không nhận tiền liên quan đến việc mua bán 61 chiếc xe ô tô tại trường TC12 và không quen biết gì với anh Bùi Văn K.

Xác minh các tài khoản giao dịch chuyển tiền thể hiện các giao dịch chuyểnkhoản nêu trên: Xác minh tài khoản số 19020324063015 mở tại T10 của Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1973, trú tại A T, phường Đ, quận H, Hà Nội: Chị H1 khai tài khoản trên do chị mở, thỉnh thoảng chồng chị là anh Khăm Phay In Nhu T8 (quốc tịch Lào) có làm ăn với các đối tác nước ngoài và có sử dụng tài khoản của chị để giao dịch. Anh Nhu T8 khai có làm ăn cùng H bên Lào và cho H vay tiền, sau đó H dùng tài khoản tại Việt Nam để chuyển tiền và trả cho anh N2 Tha 87.000.000 đồng vào ngày 28/7/2020, việc H dùng số tài khoản của ai anh không biết và anh Nhu T8 không làm ăn với công ty T9 và Đoàn Quang T. Xác minh số tài khoản 19020504925996 mở tại T10 của Đào Thị H2, sinh năm 1981, trú tại số D phố T, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn: Đào Thị H2 không đăng ký tại hộ khẩu thường trú nêu trên. Xác minh tại Công an phường T – thành phố L, tỉnh Lạng Sơn: Dương Thị Thu H3 hiện không sinh sống tại địa chỉ số B L, thành phố L, hiện không xác định được H3 ở đâu. Xác minh tại Cục Q2 - Bộ C4, cung cấp Dương Thị Thu H3 có thông tin xuất, nhập cảnh nhiều lần, xuất cảnh lần cuối vào ngày 13/3/2020, do có quy định công dân không phải khai báo địa chỉ nơi đến nên không có thông tin của Dương Thị Thu H3 cư trú tại đâu.

Chị Lê Thị Kim T6 khai nội dung như đã nêu trêu và khai chị được Đoàn Quang T chỉ đạo nhận tiền từ anh Bùi Văn K, sau đó chuyển hết số tiền nhận được cho nhiều người theo sự chỉ đạo của T như: Chuyển tiền cho Đ, chuyển trả tiền cho anh U, chuyển tiền vào tài khoản của T, chuyển khoản vào tài khoản của Đào Thị H2 và Nguyễn Thị Thu H1. Chị T6 không biết cụ thể việc T giao dịch mua bán xe ô tô thanh lý giữa Đ, T với anh U và anh K và chị không được hưởng lợi gì từ số tiền mà anh K chuyển vào tài khoản của chị.

Đối với giấy ủy quyền và 01 phiếu thu: Đoàn Quang T khai khoảng đầutháng 6/2020, sau khi T đưa cho Đ 100.000.000 đồng thì hôm sau Đ đuacho T các giấy ủy quyền và phiếu thu tại khu vực phố P - Hà Nội.Khi nhận các giấy tờ trên T biết các nội dung trong giấy ủy quyền là không đúng vì Công ty T9 không làm việc trực tiếp với Bộ Q nhưng do trước đó Đ và C đã cam kết đơn vị nào được mua xe qua Công ty T9 thì Đ và C đều cung cấp được giấy tờ 61 xe. Đồng thời trước đó T đã đưa cho Đ số tiền 500.000.000 đồng. T không biết chữ ký ông Phạm Văn M1 và con dấu của Bộ Q là giả. Do thấy vị trí bên người ủy quyền và phần nộp tiền còn trống chữ ký nên T đã ký bổ sung vào các vị trí trên. Sau đó T đã đưa cho anh K để anh K nộp tiền cho T. Nguyễn Đức Đ không thừa nhận các giấy tờ này Đ đưa cho T.

Cáo trạng số 302/CT-VKSHN-P3 ngày 19/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dânthành phố H truy tố các bị cáo Đoàn Quang T và Nguyễn Đức Đ về tội"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015. Ngày 12/9/2023, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã trả hồ sơ điều tra bổ sung để điều tra bổ sung làm rõ những vấn đề sau: Lấy lời khai của ông Phạm Hồng C và điều tra làm rõ có hay không việc ông C nhận số tiền 500.000.000 đồng từ bị cáo Đ tại trụ sở Bộ Q; sao kê tài khoản của ông C để điều tra làm rõ có hay không việc nhận số tiền 20.000.000 đồng từ bị cáo Đ sau khi anh Uyển chuyển cho bị cáo Đ vào ngày 14/02/2020 (theo lời khai của các bị cáo là đưa để ông C mua Cigar biếu lãnh đạo). Thu thập các nội dung tin nhắn zalo trên điện thoại giữa bị cáo Đ và C để điều tra, làm rõ có hay không việc ông C là người cung cấp danh sách 61 xe ô tô thanh lý cho bị cáo Đ.

Ngày 21/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội có Công văn số2857/VKS-P3 có nội dung: Ông Phạm Hồng C khai quen biết với Đ từ năm 2017, thông qua Đ thì quen biết với T. Cuối năm 2019, ông C và Đ có quan hệ với nhiều cán bộ ở Bộ Q nên biết thông tin T7 lái TC12 có chủ trương bán thanh lý 61 xe ô tô cũ nhưng ông C không trao đổi, thỏa thuận gì với T, anh U và anh K; ông C không nhận bất kỳ khoản tiền nào của Đ và không hứa hẹn gì. Tiến hành đối chất giữa ông C và Đ hai bên vẫn giữ nguyên lời khai. Sao kê tài khoản của ông C, kết quả từ ngày 01/01/2020 đến 27/02/2020 không có giao dịch nào giữa Đ và ông C. Tiến hành kiểm tra điện thoại của ông C, kết quả không thu giữ tài liệu gì liên quan đến cuộc trao đổi với Đ và ông C. Các tài liệu thu thập được trong quá trình điều tra không có căn cứ xác định ông C nhận số tiền 500.000.000 đồng từ Đồi tại trụ sở Bộ Q, không có căn cứ xác định ông C đã nhận số tiền 20.000.000 đồng do Đ chuyển khoản và ông C cũng không chuyển danh sách 61 xe thanh lý cho Đ như lời khai của Đ. Vì vậy, không có căn cứ kết luận ông C đồng phạm với Đ và T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" nên giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với Đoàn Quang T và Nguyễn Đức Đ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 95/2024/HSST ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51, các Điều 38, 50, 58, 46, 47 Bộ luật Hình sự; điểm g khoản 1 Điều 52 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đoàn Quang T; Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức Đ; xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Đoàn Quang T và Nguyễn Đức Đ phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Đoàn Quang T 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để tạm giữ, tạm giam 07/7/2021.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Đ 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để tạm giữ, tạm giam 19/5/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự:

- Căn cứ Điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Đoàn Quang T và Nguyễn Đức Đ phải liên đối bồi thường cho anh Nguyễn Văn U 770.000.000 đồng và buộc bị cáo Đoàn Quang T phải bồi thường cho anh Bùi Văn K 4.564.000.000 đồng.

- Ghi nhận bị cáo Đoàn Quang T đã trả cho anh Nguyễn Văn U 320.000.000 đồng.

- Ghi nhận gia đình bị cáo Nguyễn Đức Đ đã bồi thường khắc phục số tiền 570.000.000 đồng: trả cho anh Nguyễn Văn U số tiền 450.000.000 đồng, trả cho anh Bùi Văn K 120.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền trên hiện đang lưu giữ tại Tài khoản tạm giữ Công an thành phố H theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 23/5/2023.

- Buộc bị cáo Đoàn Quang T tiếp tục bồi thường cho anh Bùi Văn K 4.444.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/2/2024, bị cáo Nguyễn Đức Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 29/01/2024, người bị hại anh Bùi Văn K có đơn kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo Đoàn Quang T, Nguyễn Đức Đ và yêu cầu buộc hai bị cáo phải liên đới bồi thường số tiền còn thiếu cho anh.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Đức Đ giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và trình bày: Thực tế bị cáo không có ý định lừa đảo tiền của anh U, số tiền bị cáo nhận của anh U do bị cáo T đưa đã chuyển để mua xe, việc thoả thuận mua lô xe thanh lý không thực hiện được là ngoài ý muốn, sau khi không mua được lô xe bị cáo đã trả lại tiền cho bị cáo T nhưng không có tài liệu chứng minh nên bị cáo tự phải chịu. Đối với việc bị cáo T nhận tiền của anh K thì bị cáo không được biết. Bị cáo đã khai

báo thành khẩn, lần đầu phạm tội, bị cáo không được hưởng lợi gì, đã bồi thường đầy đủ số tiền nhận của người bị hại 570.000.000 đồng nên mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Đoàn Quang T trình bày: Bản án sơ thẩm nêu và kết luận các hành vi phạm tội của bị cáo là đúng, mức hình phạt đã xét xử là phù hợp nên bị cáo không kháng cáo.

- Người bị hại anh Bùi Văn K giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Bị cáo Đoàn Quang T lừa, nhận tiền của anh nhưng chưa bồi thường đầy đủ nên yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo T. Đối với bị cáo Nguyễn Đức Đ là người có tham gia cùng với T, lừa anh bằng việc đưa anh đi xem lô xe, làm cho anh tin tưởng để giao tiền cho T nên cũng là đồng phạm; do đó yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Đ. Do các bị cáo T và Đ cùng đồng phạm lừa đảo tiền của anh, Đ cũng được T giao số tiền 50.000.000 đồng nên yêu cầu buộc Đ và T phải liên đới bồi thường số tiền còn thiếu cho anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, có quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng. Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức Đ và kháng cáo của người bị hại anh Bùi Văn K là trong hạn luật định nên đề nghị chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng cáo và giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Nguyễn Đức Đ; không chấp nhận kháng cáo của người bị hại anh Bùi Văn K.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Đoàn Quang T trình bày bào chữa: Bị cáo thấy bản án sơ thẩm đã xét xử là đúng nên không có kháng cáo; bị cáo thành khẩn khai báo và đã khắc phục một phần cho các bị hại, mức hình phạt bản án án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo T.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức Đ trình bày bào chữa: Bị cáo thành khẩn khai báo, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tại phiên tòa phúc thẩm gia đình bị cáo xuất trình tài liệu thể hiện gia đình có công với cách mạng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cũng đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị hại, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại, tố cáo. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức Đ và kháng cáo của người bị hại anh Bùi Văn K là trong thời hạn luật định nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tội danh:

Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo Đoàn Quang T, Nguyễn Đức Đ khai nhận hành vi phạm tội của mình và thừa nhận bản án sơ thẩm xét xử về tội "Lừa đảo chiếm đoạt chiếm đoạt tài sản" là đúng người, đúng tội, không oan.

Lời khai của các bị cáo phù hợp khách quan với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ kết luận: Đoàn Quang T là Giám đốc Công ty T9; mặc dù không có sự việc Trường T14 - Bộ Q có xe và bán thanh lý 61 xe ô tô nhưng trong khoảng thời gian cuối năm 2019, T đã đưa ra thông tin gian dối là Công ty của T có khả năng mua được lô 61 xe ô tô của Trung tâm đào tạo lái xe TC12 để anh Nguyễn Văn Uyển c tiền mua xe ô tô thanh lý. Nguyễn Đức Đ không thuộc biên chế Quân đội, không phải là cán bộ của Bộ Q nhưng Đ đã cùng với bị cáo T, đưa ra các thông tin gian dối nêu trên để anh U tin tưởng việc T và Đ mua được lô 61 xe ô tô thanh lý là có thật và anh U đã chuyển số tiền 770.000.000 đồng tiền mua xe ô tô cho T nhận. Sau khi nhận tiền của anh U thì T và Đ đã chiếm đoạt, trong đó Đ hưởng lợi số tiền 570.000.000 đồng, T hưởng lợi số tiền 200.000.000 đồng.

Trong cùng khoảng thời gian chiếm đoạt tiền của anh U thì Đoàn Quang T còn đưa ra các thông tin gian dối như trên; đồng thời để anh K tin tưởng thì T đã đưa cho anh K xem 01 Giấy ủy quyền đề ngày 20/01/2020 có chữ ký của ông Phạm Văn M1 ký ở mục (đại diện cho Cục H5), có nội dung thể hiện T được Cục H5 - Bộ Q ủy quyền thực hiện các công việc giao dịch, trao đổi mua bán lô xe 61 xe tại Trường Đ3 và 01 Phiếu thu tiền của Cục H5 - Bộ Q đề ngày 23/4/2020 có nội dung xác nhận Công ty T9 đã nộp số tiền 800.000.000 đồng, để xử lý và thanh lý 61 xe của Trung tâm Đ3 - Bộ Q. Do tin tưởng các thông tin và giấy tờ T đưa nêu trên là thật nên anh Bùi Văn K đã ký hợp đồng mua bán xe ô tô và chuyển giao tổng số tiền 4.564.000.000 đồng cho T nhận. Sau khi nhận tiền của anh K thì T đã chiếm đoạt, sử dụng vào các mục đích chi tiêu cá nhân. Việc bị cáo T lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh K thì Đ không biết, không tham gia bàn bạc. Do đó, bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo Đoàn Quang T và Nguyễn Đức Đ về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật.

Đối với 01 Giấy ủy quyền ghi ngày 20/01/2020 và 01 Phiếu thu tiền ghi ngày23/4/2020 được kết luận giám định là tài liệu giả nhưng Nguyễn Đức Đ không thừa nhận là người đưa cho Đoàn Quang T. Quá trình điều tra không thu thập được tài liệu, chứng cứ xác định các tài liệu này là do T và Đ làm giả và không chứng minh được T biết giấy ủy quyền và phiếu thu là giả nhưng vẫn sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội khác nên cấp sơ thẩm không xem xét, xử lý là phù hợp quy định của pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức Đ và kháng cáo của người bị hại anh Bùi Văn K, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của các bị cáo Đoàn Quang T, Nguyễn Đức Đ là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an - an toàn xã hội nên cần xét xử nghiêm minh.

Trong vụ án này, Đoàn Quang T là người thực hiện 02 hành vi phạm tội, cụ thể: T đồng phạm cùng với bị cáo Nguyễn Đức Đ lừa đảo chiếm đoạt số tiền 770.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn U (T được hưởng lợi 200.000.000 đồng) và lừa đảo chiếm đoạt số tiền 4.564.000.000 đồng của anh Bùi Văn K; tổng số tiền T phải chịu trách nhiệm hình sự là 5.334.000.000 đồng (T hưởng lợi tổng cộng là 4.764.000.000 đồng) nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội hai lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Đức Đ đồng phạm với Đoàn Quang T thực hiện 01 hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 770.000.000 đồng của anh U và bị cáo được hưởng lợi số tiền 570.000.000 đồng. Do đó, bị cáo Đoàn Quang T là người thực hiện tội phạm có vị trí, vai trò là cao và nguy hiểm hơn so với bị cáo Nguyễn Đức Đ nên là người phải chịu trách nhiệm chính.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Đoàn Quang T không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Gia đình bị cáo Nguyễn Đức Đ nộp thêm các tài liệu gồm: Đơn xin xác nhận lao động chính, Huân chương kháng chiến hạng Ba và Giấy khen của ông Nguyễn Văn N, Huân chương kháng chiến hạng Ba và Huân chương chiến công giải phóng của ông Nguyễn Văn H4; đây được xem là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, được áp dụng thêm cho bị cáo Đ. Tuy nhiên, xét thấy mức hình phạt bản án sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo Đoàn Quang T và Nguyễn Đức Đ là phù hợp, tương xứng với vị trí, vai trò thực hiện tội phạm, tính chất tội phạm; nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cũng như việc khắc phục hậu quả xảy ra của các bị cáo; mặt khác mức hình phạt bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo Đ là mức thấp

nhất của khung hình phạt liền kề bị truy tố, xét xử nên không có cơ sở giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Do đó, cần giữ nguyên mức hình phạt bản án sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo Đoàn Quang T và Nguyễn Đức Đ.

- Về trách nhiệm dân sự:

Như đã phân tích tại mục [2.1], việc chiếm đoạt số tiền 4.564.000.000 đồng của anh Bùi Văn K chỉ do một mình bị cáo Đoàn Quang T thực hiện, không có cơ sở xác định bị cáo Nguyễn Đức Đ đồng phạm với bị cáo T lừa đảo nhận tiền của anh K; do đó bản án sơ thẩm chỉ buộc bị cáo T phải có trách nhiệm bồi thường cho anh K là đúng quy định của pháp luật

[3] Với các nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức Đ và kháng cáo của người bị hại anh Bùi Văn K; không chấp nhận đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Đức Đ của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Đức Đ và người bị hại anh Bùi Văn K phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức Đ và kháng cáo của người bị hại anh Bùi Văn K; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 95/2024/HSST ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội như sau:

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51, các Điều 38, 50, 58, 46, 47 Bộ luật Hình sự; điểm g khoản 1 Điều 52 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đoàn Quang T; Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức Đ.

2. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đoàn Quang T và Nguyễn Đức Đ phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

3. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Đoàn Quang T 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giữ, tạm giam 07/7/2021.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Đ 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giữ, tạm giam 19/5/2023.

4. Về trách nhiệm dân sự:

- Căn cứ Điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Đoàn Quang T và Nguyễn Đức Đ phải liên đối bồi thường cho anh Nguyễn Văn U 770.000.000 đồng và buộc bị cáo Đoàn Quang T phải bồi thường cho anh Bùi Văn K 4.564.000.000 đồng.

- Ghi nhận bị cáo Đoàn Quang T đã trả cho anh Nguyễn Văn U 320.000.000 đồng.

- Ghi nhận gia đình bị cáo Nguyễn Đức Đ đã bồi thường khắc phục số tiền 570.000.000 đồng: trả cho anh Nguyễn Văn U số tiền 450.000.000 đồng, trả cho anh Bùi Văn K 120.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền trên hiện đang lưu giữ tại Tài khoản tạm giữ Công an thành phố H theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 23/5/2023.

- Buộc bị cáo Đoàn Quang T tiếp tục bồi thường cho anh Bùi Văn K 4.444.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đức Đ và người bị hại anh Bùi Văn K mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND cấp cao tại Hà Nội;*
- *TAND TP Hà Nội;*
- *VKSNDTP Hà Nội;*
- *Cục THADS TP Hà Nội;*
- *CATP Hà Nội;*
- *Các bị cáo và người TGTT;*
- *Lưu HSVA, HCTP.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Tiến Dũng